



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ IV NĂM 2025

Đà Nẵng, tháng 1 năm 2026



Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2025)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2025)
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.649.547.185.295	2.017.951.716.064
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	396.505.570.343	454.019.286.437
1 . Tiền	111		49.874.570.343	9.182.286.437
2 . Các khoản tương đương tiền	112		346.631.000.000	444.837.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	768.795.315.000	248.647.000.000
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		768.795.315.000	248.647.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		642.862.170.097	530.504.060.137
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	606.616.113.406	514.308.817.115
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.847.924.726	5.713.680.483
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.342.860.000	2.342.860.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	26.055.271.965	12.972.446.575
5 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(4.833.744.036)
IV. Hàng tồn kho	140		783.841.832.956	735.218.741.888
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	785.603.104.889	736.745.779.876
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.761.271.933)	(1.527.037.988)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		57.542.296.899	49.562.627.602
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	9.310.237.630	10.319.739.401
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	47.441.891.566	39.242.888.201
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	790.167.703	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2025)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2025)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		926.496.558.515	741.642.042.249
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		623.465.192	2.994.672.947
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	-	2.342.860.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	623.465.192	651.812.947
II. Tài sản cố định	220		530.592.102.895	583.735.210.995
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	529.160.701.845	582.112.354.358
- Nguyên giá	222		1.782.300.440.331	1.832.499.725.898
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.253.139.738.486)	(1.250.387.371.540)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.431.401.050	1.622.856.637
- Nguyên giá	228		12.975.673.106	12.331.167.538
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(11.544.272.056)	(10.708.310.901)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		182.015.850.120	16.435.146.507
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	182.015.850.120	16.435.146.507
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	176.861.341.218	101.737.759.386
1 . Đầu tư vào công ty con	251		92.748.900.000	92.748.900.000
2 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.428.000.000	10.428.000.000
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.900.000.000	7.755.702.000
4 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(8.233.558.782)	(9.194.842.614)
5 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		75.018.000.000	
VI Tài sản dài hạn khác	260		36.403.799.090	36.739.252.414
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	35.005.209.479	35.172.340.594
2 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.398.589.611	1.566.911.820
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.576.043.743.810	2.759.593.758.313

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2025)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2025)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.550.723.898.365	1.907.840.845.249
I. Nợ ngắn hạn	310		2.258.992.235.927	1.700.143.992.056
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	263.590.017.835	270.172.771.050
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.534.450.184	7.761.349.325
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	24.669.714.364	30.502.353.409
4 . Phải trả người lao động	314		427.219.422.751	310.660.767.533
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	6.202.483.466	5.760.255.516
6 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		108.886.990	87.787.572
7 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	115.726.565.144	133.717.795.119
8 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	1.320.739.677.203	866.486.025.141
9 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	93.201.017.990	74.994.887.391
II. Nợ dài hạn	330		291.731.662.438	207.696.853.193
1 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	291.731.662.438	207.696.853.193
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		1.025.319.845.445	851.752.913.064
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.025.319.845.445	851.752.913.064
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	360.027.080.000	360.027.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.027.080.000	360.027.080.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		250.148.011.222	208.385.253.247
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		415.144.754.223	283.340.579.817
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		200.006.728.242	153.262.791.808
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		215.138.025.981	130.077.788.009
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.576.043.743.810	2.759.593.758.313

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Thùy Linh

Nguyễn Thị Tường Long

Nguyễn Ngọc Bình

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.232.148.521.576	1.254.825.864.983	5.074.624.437.835	4.765.983.156.585
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.681.381	3.630.334.832	85.176.169	3.702.249.918
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.232.137.840.195	1.251.195.530.151	5.074.539.261.666	4.762.280.906.667
4. Giá vốn hàng bán	11		1.111.503.850.566	1.102.501.986.378	4.512.243.838.384	4.230.178.983.270
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		120.633.989.629	148.693.543.773	562.295.423.282	532.101.923.397
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	26.877.466.669	38.226.845.503	115.845.813.078	112.233.654.332
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	20.217.313.425	21.963.546.998	68.481.429.502	77.596.413.323
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.259.655.767	10.191.314.647	48.449.236.837	36.788.812.234
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	23.490.399.586	22.568.543.358	79.946.710.483	86.631.450.559
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	39.696.210.452	42.027.554.214	163.654.400.825	155.652.019.496
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		64.107.532.835	100.360.744.706	366.058.695.550	324.455.694.351
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.615.773.886	12.204.027.983	15.930.791.219	20.982.663.547
12. Chi phí khác	32	VI.7	210.533.289	943.938.006	1.464.662.980	2.555.006.873
13. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32 + 33)	40		5.405.240.597	11.260.089.977	14.466.128.239	18.427.656.674
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		69.512.773.432	111.620.834.683	380.524.823.789	342.883.351.025
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		17.585.837.980	23.504.183.001	75.211.705.599	68.098.914.278
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.529.276.493)	84.511.176	168.322.209	695.816.738
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		53.456.211.945	88.032.140.506	305.144.795.981	274.088.620.009

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Thùy Linh

Nguyễn Thị Tường Long

Nguyễn Ngọc Bình

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Kỳ tài chính từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		380.524.823.789	342.883.351.025
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		115.417.969.729	103.636.457.405
- Các khoản dự phòng	03		(5.560.793.923)	(5.249.242.520)
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.600.166.631	10.646.894.848
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(48.650.862.637)	(25.599.332.777)
- Chi phí lãi vay	06		48.449.236.837	36.788.812.234
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(213.086.700)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động (08 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06 + 07)	08		498.567.453.726	463.106.940.215
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(108.210.519.182)	(1.489.452.940)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(48.857.325.013)	(37.312.817.823)
- Tăng, giảm các khoản phải trả(không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		115.194.056.951	21.459.502.325
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.176.632.886	(4.529.716.402)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(47.944.087.666)	(36.822.274.377)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(81.130.050.620)	(54.840.622.311)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		815.000.000	310.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(24.179.963.001)	(18.298.414.035)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		305.431.198.081	331.583.144.652

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Kỳ tài chính từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(242.365.791.789)	(174.452.542.613)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.642.246.861	1.562.856.057
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.152.753.315.000)	(602.523.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		559.929.860.000	540.825.562.730
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		655.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		41.064.447.740	25.103.452.181
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(787.827.552.188)	(209.483.671.645)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		4.303.428.542.953	4.006.597.749.816
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.772.385.850.606)	(3.716.929.761.321)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(106.528.167.000)	(159.701.949.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		424.514.525.347	129.966.038.995
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(57.881.828.760)	252.065.512.002
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		454.019.286.437	201.947.046.193
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		368.112.666	6.728.242
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	396.505.570.343	454.019.286.437

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thùy Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2026



Nguyễn Ngọc Bình

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 61,87% vốn.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo tài chính riêng được trình bày trên đây đã được tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc toàn Tổng công ty, bao gồm:

- Nhà máy may Hòa Thọ 1
- Nhà máy may Hòa Thọ Veston
- Công ty may Hòa Thọ Điện Bàn
- Công ty may Hòa Thọ Đông Hà
- Nhà máy may Hòa Thọ Quảng Ngãi
- Nhà máy may Hòa Thọ Triệu Phong
- Nhà máy may Quế Sơn
- Trung tâm Kinh doanh Thời trang Hòa Thọ
- Trung Tâm Thương Mại Hòa Thọ.
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 1
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 2
- Văn Phòng Tổng công ty

04
TỔ
C
Đ
H
L

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán:

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm.
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:**
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.
- 8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:**
- * Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.
 - * Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
 - * Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.
- 9. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:**
- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
 - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
 - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
 - Thuế suất 8%: áp dụng cho các hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025.
 - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất hiện hành 20%.
 - Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	<i>Đơn vị tính: Đồng Việt Nam</i>	
	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt tại quỹ	95.875.000	76.303.000
_ VND	95.875.000	76.303.000
Tiền gửi ngân hàng	49.778.695.343	9.105.983.437
_ VND	3.312.515.302	5.796.031.934
_ USD	46.466.180.041	3.309.951.503
Tương đương tiền	346.631.000.000	444.837.000.000
Cộng	396.505.570.343	454.019.286.437

2. Các khoản đầu tư tài chính:

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	768.795.315.000	768.795.315.000	248.647.000.000	248.647.000.000
- Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	75.018.000.000	75.018.000.000		
Cộng	843.813.315.000	843.813.315.000	248.647.000.000	248.647.000.000



Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/12/2025			01/01/2025		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
* Đầu tư vào công ty con						
Công ty CP Thời trang – Hòa thọ	775.863	2.667.900.000	-	775.863	2.667.900.000	-
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	541.800	5.418.000.000	-	541.800	5.418.000.000	-
Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	817.300	8.173.000.000	-	817.300	8.173.000.000	-
Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình	7.449.000	74.490.000.000	-	7.449.000	74.490.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ	-	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-
Cộng		92.748.900.000	-		92.748.900.000	-
* Đầu tư vào công ty Liên doanh, liên kết						
Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh	400.000	4.000.000.000	(1.933.558.782)	400.000	4.000.000.000	(2.389.163.963)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	642.800	6.428.000.000	-	642.800	6.428.000.000	-
Cộng		10.428.000.000	(1.933.558.782)		10.428.000.000	(2.389.163.963)
* Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty CP Bông và kinh doanh tổng hợp Miền Trung	-	-	-	6.500	855.702.000	(505.678.651)
Công ty CP bao bì Hòa thọ Quảng Đà	60.000	600.000.000	-	60.000	600.000.000	-
Công ty CP Thương mại Dệt may TP HCM	630.000	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	6.300.000.000	(6.300.000.000)
Cộng		6.900.000.000	(6.300.000.000)		7.755.702.000	(6.805.678.651)

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	8.667.100.670	7.799.274.685
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.353.616.791	1.061.679.402
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.601.057.679	2.230.290.358
Mua hàng hóa và dịch vụ	60.439.158.333	50.171.974.830
Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.936.566.817	1.513.716.469
Mua hàng hóa và dịch vụ	69.208.744.065	70.039.361.136
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	240.118.741	226.913.483
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.569.343.999	6.714.776.267
Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình		
Bán hàng hóa và dịch vụ	51.561.434.913	57.904.881.597
Mua hàng hóa và dịch vụ		3.820.561.938
Tập Đoàn Dệt May Việt Nam		
Mua hàng hóa và dịch vụ	28.783.969.549	31.231.791.175
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	210.487.266	337.113.808
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.563.225.023	33.897.357.229
Cty CP may Hòa Thọ Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.124.471.764	2.461.506.746
Mua hàng hóa và dịch vụ	79.300.000.079	87.918.187.023

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED</i>	163.007.372.409	160.078.938.476
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	114.529.023.052	124.387.033.539
<i>Các khách hàng khác</i>	329.079.717.945	229.842.845.100
Tổng cộng	606.616.113.406	514.308.817.115

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/12/2025	01/01/2025
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	91.677.125	121.055.860
<i>Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ</i>	295.318.891	253.996.985
<i>Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam</i>	68.334.105	-
<i>Công ty Cp Sợi Hòa Thọ Thăng Bình</i>	20.432.181.117	20.192.693.735
Tổng cộng	20.887.511.238	20.567.746.580

4. Các khoản phải thu:

a, Phải thu ngắn hạn khác:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	1.900.447.253		1.442.764.174	
Ký cược, ký quỹ	6.631.114.756		164.456.250	
Phải thu khác	17.523.709.956		11.365.226.151	
Cộng	26.055.271.965	-	12.972.446.575	-

b, Phải thu dài hạn khác:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	623.465.192	-	651.812.947	-
Cộng	623.465.192	-	651.812.947	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

c, Phải thu về cho vay ngắn hạn:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	2.342.860.000	-	2.342.860.000	-
Cộng	2.342.860.000	-	2.342.860.000	-

d, Phải thu về cho vay dài hạn:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	-	-	2.342.860.000	-
Cộng	-	-	2.342.860.000	-

5. Hàng tồn kho:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	91.496.658.910		100.570.842.242	(487.038.128)
Nguyên vật liệu	234.039.028.578		200.428.392.593	(294.882.197)
Công cụ dụng cụ	1.029.190.777		1.157.040.304	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	379.922.574.018	(1.315.637.970)	332.829.748.019	(311.122.549)
Thành phẩm	19.718.065.298	(104.285.925)	24.161.375.051	(133.125.196)
Hàng hóa	2.611.650.884	(4.333.328)	4.588.938.731	-
Hàng gửi đi bán	56.785.936.424	(337.014.710)	73.009.442.936	(300.869.918)
Cộng	785.603.104.889	(1.761.271.933)	736.745.779.876	(1.527.037.988)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chi tiêu \ Nhóm	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư tại ngày 01/01/2025	441.751.818.199	1.143.388.530.168	132.849.312.710	10.127.057.047	901.908.363	103.481.099.411	1.832.499.725.898
Số Tăng trong kỳ	8.369.144.960	43.614.833.223	6.146.881.017	4.301.810.593	-	3.806.614.563	66.239.284.356
- Mua sắm mới	4.561.044.914	6.763.828.750	3.254.559.283	437.855.500		3.400.374.563	18.417.663.010
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.808.100.046	36.637.917.773	2.892.321.734	3.863.955.093		406.240.000	47.608.534.646
- Tăng do biểu tăng		213.086.700					213.086.700
Số Giảm trong kỳ	13.087.633.874	96.177.215.668	559.335.955	221.188.093	38.000.000	6.355.196.333	116.438.569.923
- Thanh lý, nhượng bán	13.087.633.874	96.177.215.668	559.335.955	221.188.093	38.000.000	6.355.196.333	116.438.569.923
Số dư tại ngày 31/12/2025	437.033.329.285	1.090.826.147.723	138.436.857.772	14.207.679.547	863.908.363	100.932.517.641	1.782.300.440.331
Giá trị đã hao mòn							
Số dư tại ngày 01/01/2025	209.357.801.300	879.977.624.403	59.280.236.710	8.431.999.628	465.979.495	92.873.730.004	1.250.387.371.540
Số khấu hao tăng trong kỳ	21.453.321.858	74.642.324.868	13.994.835.431	863.658.327	140.045.338	3.487.822.752	114.582.008.574
- Tăng do khấu hao trong kỳ	21.453.321.858	74.642.324.868	13.994.835.431	863.658.327	140.045.338	3.487.822.752	114.582.008.574
Số khấu hao giảm trong kỳ	8.676.476.772	96.016.563.475	559.335.955	221.188.093	38.000.000	6.318.077.333	111.829.641.628
- Thanh lý, nhượng bán	8.676.476.772	96.016.563.475	559.335.955	221.188.093	38.000.000	6.318.077.333	111.829.641.628
Số dư tại ngày 31/12/2025	222.134.646.386	858.603.385.796	72.715.736.186	9.074.469.862	568.024.833	90.043.475.423	1.253.139.738.486
Giá trị còn lại							
Số dư tại ngày 01/01/2025	232.394.016.899	263.410.905.765	73.569.076.000	1.695.057.419	435.928.868	10.607.369.407	582.112.354.358
Số dư tại ngày 31/12/2025	214.898.682.899	232.222.761.927	65.721.121.586	5.133.209.685	295.883.530	10.889.042.218	529.160.701.845

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 776.184 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Tài sản cố định vô hình:

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2025	12.331.167.538
Tăng trong kỳ	644.505.568
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	12.975.673.106
Khấu hao	
Số dư tại ngày 01/01/2025	10.708.310.901
Tăng trong kỳ	835.961.155
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	11.544.272.056
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.622.856.637
Số dư tại ngày 31/12/2025	1.431.401.050

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 9.305 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/12/2025	01/01/2025
+ Hệ thống điện NLMT tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên	25.060.684.723	-
+ Đầu tư thiết bị ngành sợi	135.793.876.812	16.376.257.618
+ Các công trình khác	21.161.288.585	58.888.889
Cộng	182.015.850.120	16.435.146.507

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí trả trước:**

	31/12/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn	9.310.237.630	10.319.739.401
b. Dài hạn:		
Chi phí trả trước dài hạn	35.005.209.479	35.172.340.594
Cộng	44.315.447.109	45.492.079.995

10. Phải trả người bán ngắn hạn:** Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn*

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	01/01/2025
<i>HULTAFORS GROUP AB</i>	<i>32.338.943.491</i>	<i>23.110.495.965</i>
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	<i>231.251.074.344</i>	<i>247.062.275.085</i>
Tổng cộng	263.590.017.835	270.172.771.050

** Phải trả người bán là các bên liên quan*

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	01/01/2025
<i>- Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	<i>3.699.937.213</i>	<i>4.584.283.628</i>
<i>- Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam</i>	<i>11.278.019</i>	<i>6.264.687</i>
<i>- Công ty CP May Hòa Thọ Hội An</i>	<i>13.601.344.668</i>	<i>2.678.305.473</i>
<i>- Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên</i>	<i>11.796.813.717</i>	<i>7.477.089.706</i>
<i>- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ</i>	<i>1.947.524.315</i>	<i>1.369.259.585</i>
<i>- Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh</i>	<i>2.645.429.145</i>	<i>3.051.994.197</i>
Tổng cộng	33.702.327.077	19.167.197.276

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:

	01/01/2025	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	Khác	31/12/2025
Thuế thu nhập cá nhân	-		790.167.703		-	790.167.703
Cộng	-	-	790.167.703	-	-	790.167.703

b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2025	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	Khác	31/12/2025
Thuế GTGT hàng nội địa	3.898.790.936	114.112.274.927	(70.430.486.153)	(43.074.027.474)	-	4.506.552.236
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	24.021.732.662	(24.021.732.662)		-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.560.144.561	(1.544.473.213)		-	15.671.348
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.504.183.001	75.211.705.599	(81.130.050.620)		-	17.585.837.980
Thuế thu nhập cá nhân	3.099.379.472	9.447.992.539	(9.985.719.211)		-	2.561.652.800
Các loại thuế khác	-	5.476.240.567	(5.476.240.567)		-	-
Cộng	30.502.353.409	229.830.090.855	(192.588.702.426)	(43.074.027.474)	-	24.669.714.364

c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2025	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Bù trừ với thuế GTGT phải trả	Khác	31/12/2025
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	39.242.888.201	212.964.492.330	(161.680.727.700)	(43.074.027.474)	(10.733.791)	47.441.891.566

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí phải trả ngắn hạn:

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí trích trước giám sát, thuê, in, wash, bao bì (VP)	333.162.519	381.777.196
Chi phí lãi vay	813.058.990	307.909.819
Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)	1.992.066.456	1.603.146.446
Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng, chỉ, thực phẩm, hoa hồng (đơn vị may)	3.064.195.501	3.467.422.055
Cộng	6.202.483.466	5.760.255.516

13. Phải trả ngắn hạn khác:

	31/12/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	21.656.345.514	19.224.507.708
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.000.000	-
Lãi cô tức phải trả	91.791.140.100	109.586.424.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.239.079.530	4.906.863.311
Cộng	115.726.565.144	133.717.795.119



Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	31/12/2025	Phát sinh trong kỳ		01/01/2025
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	-	200.463.599.360	200.463.599.360	-
+ Ngân hàng 2	271.655.629.089	833.131.721.111	806.076.249.666	244.600.157.644
+ Ngân hàng 3	21.370.036.036	21.370.036.036	-	-
+ Ngân hàng 4	740.060.242.747	2.762.569.606.997	2.517.938.387.623	495.429.023.373
+ Ngân hàng 5	162.236.312.563	235.615.601.837	159.742.197.219	86.362.907.945
+ Ngân hàng 6	-	63.826.584.088	95.492.867.574	31.666.283.486
+ Ngân hàng 7	17.696.531.571	17.696.531.571	-	-
+ Ngân hàng 8	49.999.206.158	49.999.206.158	-	-
+ Ngân hàng 9	50.196.192.737	50.196.192.737	-	-
+ Ban liên lạc hưu trí	-	-	265.041.096	265.041.096
Cộng	1.313.214.150.901	4.234.869.079.895	3.779.978.342.538	858.323.413.544

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b, Vay dài hạn:

	31/12/2025	Phát sinh trong kỳ		01/01/2025
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	206.869.652.018	62.181.544.373	63.008.745.548	207.696.853.193
+ Ngân hàng 1	84.862.010.420	84.862.010.420	-	-
Cộng	291.731.662.438	147.043.554.793	63.008.745.548	207.696.853.193

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	31/12/2025	Phát sinh trong kỳ		01/01/2025
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	7.525.526.302	9.188.492.339	9.825.577.634	8.162.611.597
Cộng	7.525.526.302	9.188.492.339	9.825.577.634	8.162.611.597

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, khoản phải thu, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	360.027.080.000	198.625.892.531	213.405.630.129	772.058.602.660
- Lãi trong năm	-	-	274.088.620.009	274.088.620.009
- Phân bổ vào các quỹ	-	9.759.360.716	(9.759.360.716)	-
- Cổ tức	-	-	(180.013.540.000)	(180.013.540.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(14.380.769.605)	(14.380.769.605)
Số dư tại ngày 31/12/2024	360.027.080.000	208.385.253.247	283.340.579.817	851.752.913.064
Số dư tại ngày 01/01/2025	360.027.080.000	208.385.253.247	283.340.579.817	851.752.913.064
- Lãi trong năm	-	-	305.144.795.981	305.144.795.981
- Phân bổ vào các quỹ	-	41.762.757.975	(41.762.757.975)	-
- Cổ tức	-	-	(90.006.770.000)	(90.006.770.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(41.571.093.600)	(41.571.093.600)
Số dư tại ngày 31/12/2025	360.027.080.000	250.148.011.222	415.144.754.223	1.025.319.845.445

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	31/12/2025	01/01/2025
Vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	222.742.050.000	222.742.050.000
Vốn góp của các đối tượng khác	137.285.030.000	137.285.030.000
Cộng	360.027.080.000	360.027.080.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 01/01/2025	74.994.887.391
Trích lập trong năm từ lợi nhuận	41.571.093.600
Tăng khác	815.000.000
Giảm trong kỳ	24.179.963.001
Số dư tại ngày 31/12/2025	93.201.017.990

17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:

- **Ngoại tệ các loại:**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ
USD	1.781.404,59	46.466.180.041	131.012,56	3.309.951.503

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
+ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	5.045.645.138.298	4.741.159.719.638
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	28.979.299.537	24.823.436.947
Cộng	5.074.624.437.835	4.765.983.156.585

b. Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Chiết khấu thương mại	-	3.573.265.020
Hàng bán bị trả lại	85.176.169	128.984.898
Cộng	85.176.169	3.702.249.918

2. Giá vốn hàng bán:

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công hàng dệt may	4.490.783.565.988	4.217.662.633.693
Giá vốn dịch vụ khác	21.226.038.451	17.597.139.208
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	234.233.945	(5.080.789.631)
Cộng	4.512.243.838.384	4.230.178.983.270

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ứng trước	42.448.558.693	23.588.093.883
Chiết khấu thanh toán	2.615.939	3.023.337
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67.262.893.946	87.124.678.112
Lợi nhuận được chia	6.131.744.500	1.517.859.000
Cộng	115.845.813.078	112.233.654.332

4. Chi phí tài chính:

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Chi phí lãi tiền vay	48.449.236.837	36.788.812.234
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.192.607.866	30.329.159.130
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.600.166.631	10.646.894.848
Dự phòng/(Hoàn nhập) tổn thất đầu tư	(961.283.832)	(168.452.889)
Chi phí tài chính khác	200.702.000	-
Cộng	68.481.429.502	77.596.413.323

5. Chi phí bán hàng:

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Chi phí nhân viên	4.818.839.541	4.523.940.096
Chi phí vật liệu, bao bì	622.242.721	654.541.567
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	67.853.025	188.908.347
Chi phí khấu hao TSCĐ	338.096.965	885.600.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.402.611.238	64.967.125.926
Chi phí bằng tiền khác	15.697.066.993	15.411.334.237
Cộng	79.946.710.483	86.631.450.559

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Chi phí nhân viên quản lý	80.444.978.858	76.336.829.095
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.750.615.878	2.095.114.856
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.171.284.281	11.092.784.782
Thuế, phí và lệ phí	9.995.696.744	13.732.036.613
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(4.833.744.036)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.691.854.251	26.754.536.714
Chi phí bằng tiền khác	30.433.714.849	25.640.717.436
Cộng	163.654.400.825	155.652.019.496

7. Thu nhập khác:

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	271.261.444	493.379.894
Các khoản thu khác	15.659.529.775	20.489.283.653
Cộng	15.930.791.219	20.982.663.547

8. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Các khoản chi khác	1.464.662.980	2.555.006.873
Cộng	1.464.662.980	2.555.006.873

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.615.620.771.652	2.553.349.065.526
Chi phí nhân công	1.503.926.879.336	1.257.770.673.898
Chi phí khấu hao TSCĐ	115.417.969.729	103.636.457.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	528.953.038.548	551.528.355.207
Cộng	4.763.918.659.265	4.466.284.552.036

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thùy Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long



Nguyễn Ngọc Bình